

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNST
Ngày: 18/01/2023
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tr**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị D**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ H**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Tr** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 598/2022/TLST-HN ngày 12 tháng 10 năm 2022. Về việc: "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1057/2022/QĐST-HN ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Hồng Ng** sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: 75C, hẻm 2, Mậu Thân, phường X, quận N, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trường G** sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 75C, hẻm 2, Mậu Thân, phường X, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Ngọc trình bày:

Bà và ông G tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2006 tại UBND phường X, quận N, thành phố C. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông G ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Dương Tuyết Nh (nữ) sinh ngày 28/8/2006 và Nguyễn Trường L (nam) sinh ngày 06/6/2012. Bà Ngọc yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu ông Nguyễn Trường G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2022 bị đơn ông Gi trình bày:

Ông bà tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2006 tại UBND phường X, quận N, thành phố C. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà Dương Hồng Ng. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Dương Tuyết Nh (nữ) sinh ngày 28/8/2006 và Nguyễn Trường L (nam) sinh ngày 06/6/2012. Hiện tại đang sống cùng nhau. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

- *Về sự vắng mặt các đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Trường G có hộ khẩu thường trú tại số 75C, hẻm 2, Mậu Thân, phường X, quận N, thành phố C. Tòa án không tổng đạt được cho bị đơn nên tiến hành niêm yết giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ng và ông G xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường X, quận N, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/12/2006. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được cho nên giữa bà Ng và ông G không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà Ng và ông G ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Bà Ng nhận thấy tình cảm giữa bà và ông G không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án

tiến hành hoà giải, ông G thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông G không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Ng và ông G mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên thống nhất cho bà Ng ly hôn với ông G theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung và vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Ng và ông G thống nhất trình bày có 02 con chung Nguyễn Dương Tuyết Nh (nữ) sinh ngày 28/8/2006 và Nguyễn Trường L (nam) sinh ngày 06/6/2012. Khi ly hôn bà Ng yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà Ng là người trực tiếp nuôi 02 con từ khi sinh ra đến nay, bà Ngoc nuôi dưỡng các con bảo đảm sự phát triển bình thường. Hơn nữa các cháu vẫn còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc của mẹ để bảo đảm những quyền lợi thiết thực nhất cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ng được trực tiếp nuôi con chung trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con chưa thành niên các bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nên dành quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho ông G không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Bà Ng và ông G thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, do xét xử vắng mặt ông G và bà Ng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về nợ chung*: Bà Ng và ông G thống nhất trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Nguyên đơn bà Dương Hồng Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0000945 ngày 19/8/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự quận N đã thu sang thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Dương Hồng Ng được ly hôn với ông Nguyễn Trường G.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Dương Tuyết Nh (nữ) sinh ngày 28/8/2006 và Nguyễn Trường L (nam) sinh ngày 06/6/2012 cho bà Dương Hồng Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Trường G không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Trường G không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Dương Hồng Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0000945 ngày 19/8/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự quận N đã thu sang thành án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố C;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tr